

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: **66/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-9-2025

“V/v ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Đông

Các Hội thẩm Nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Diệu

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Hoàng Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 2001 (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Căn cước công dân số 066201001099 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/4/2021.

Địa chỉ: Thôn Nam Hoà, xã Dray Bông, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Nay là: Thôn Nam Hoà, xã Dray Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Trà L, sinh năm: 2001 (Vắng mặt).

Căn cước công dân số 066301019735 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp.

Địa chỉ: Số 61 Tạ Quang Bửu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nay là: Số 61 Tạ Quang Bửu, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Anh Nguyễn Thái B trình bày nội dung như sau:

Anh Nguyễn Thái B và chị Đỗ Thị Trà L tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày 09/11/2022 tại UBND xã D. Sau khi kết hôn được 1 thời gian thì vợ chồng thường xuyên có những mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Không khí gia đình ngày càng trở nên căng thẳng, mặc dù cùng sống chung một nhà nhưng không còn tìm được tiếng nói chung và không còn có quan tâm đến nhau nữa. Đỉnh điểm là từ đầu cuối năm 2023 đến nay anh B và chị L thường xuyên cãi vã nhau và không thể giải quyết mâu thuẫn và đã không có tiếng nói chung nữa. Anh B và chị L đã không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân, mục đích hôn nhân đã không đạt được, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, vun đắp cho gia đình, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Vì vậy để giải thoát cho cuộc hôn nhân, anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho anh B và Đỗ Thị Trà L được ly hôn.

Về con chung: Anh B và chị L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh B không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đỗ Thị Trà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu như sau:

- *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự (nguyên đơn, bị đơn): Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thái B. Về quan hệ hôn nhân anh Nguyễn Thái B được ly hôn với chị Đỗ Thị Trà L. Về con chung: Anh Nguyễn Thái B và chị Đỗ Thị Trà L không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thái B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Anh Nguyễn Thái B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Đỗ Thị Trà L, có địa chỉ: Số F T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là: Số F T, phường T, tỉnh Đắk Lắk). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thái B có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn chị Đỗ Thị Trà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B và chị L là đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái B và chị Đỗ Thị Trà L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn từ ngày 09/11/2022 tại UBND xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, anh B xác định từ cuối năm 2023 thì thường xuyên xảy ra cãi vã và không thể giải quyết mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân và đến nay không còn tình cảm với nhau nên anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với chị Đỗ Thị Trà L.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng anh Nguyễn Thái B và chị Đỗ Thị Trà L có thời gian cư trú tại thôn N, xã D, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình sinh sống tại địa phương khoảng thời gian 02-03 năm, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trình bày với chính quyền địa phương nên không nắm được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Thời gian gần đây, anh chị đã sống ly thân, chị L đã không còn cư trú tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc chị L không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng đã thể hiện việc chị L không có ý định hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Đồng thời việc vợ chồng ly thân trong thời gian dài chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thái B, cho anh Nguyễn Thái B được ly hôn với chị Đỗ Thị Trà L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh Nguyễn Thái B và chị Đỗ Thị Trà L nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thái B và chị Đỗ Thị Trà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Thái B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thái B.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái B được ly hôn với chị Đỗ Thị Trà L.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thái B và chị Đỗ Thị Trà L không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thái B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Anh Nguyễn Thái B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo biên lai thu số 0011153 ngày 13 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đắk Lắk).

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường T, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. (Nay là UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thị Đông